

## Bài 33

# CÁC CHUNG TỘC, NGÔN NGỮ VÀ TÔN GIÁO

### I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

#### 1. Về kiến thức

– Trình bày được những đặc điểm chính của 3 chủng tộc trên thế giới và sự phân bố của chúng.

– Biết được các ngôn ngữ phổ biến nhất hiện nay trên thế giới.

– Hiểu được vai trò của tôn giáo trong đời sống kinh tế và văn hoá, chính trị. Các tôn giáo chủ yếu.

#### 2. Về kĩ năng

– Biết quan sát, nhận diện những đặc điểm chính qua hình ảnh của 3 chủng tộc trên thế giới.

– Rèn luyện kĩ năng đọc bản đồ, phân tích và nhận xét về sự phân bố các chủng tộc và tôn giáo trên thế giới.

– Nâng cao kĩ năng thảo luận, theo nhóm.

#### 3. Về thái độ, hành vi

Có nhận thức đúng đắn về sự bình đẳng giữa các chủng tộc, đoàn kết gắn bó các tôn giáo để giữ vững ổn định chính trị – xã hội.

### II – THIẾT BỊ DẠY HỌC

– Các hình 33.2 và 33.3 trong SGK.

– Một số hình ảnh về các chủng tộc và tôn giáo (Hồi giáo, Cơ đốc giáo, Phật giáo).

– Máy chiếu đa năng (nếu có).

### III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

#### 1. Những kiến thức trọng tâm

– Các dấu hiệu chủ yếu để phân biệt các chủng tộc trên thế giới và sự phân bố của chúng.

– Các ngôn ngữ phổ biến hiện nay.

– Các tôn giáo lớn, vai trò và sự phân bố của chúng.

### 1.1. Các chủng tộc trên thế giới

Để hiểu sâu thêm về vấn đề này, GV có thể tham khảo cuốn sách "Dân tộc học đại cương" do Lê Sĩ Giáo chủ biên, NXB Giáo dục, 1997.

#### a) Về khái niệm và đặc điểm của các chủng tộc

– Ngoài khái niệm ngắn gọn trong SGK, GV có thể hiểu thêm khái niệm chủng tộc một cách đầy đủ hơn. Chủng tộc là một quần thể (hay tập hợp quần thể mà ta quen gọi là những nhóm người) đặc trưng bởi những đặc điểm di truyền về hình thái – sinh lí mà nguồn gốc và quá trình hình thành của chúng liên quan đến một vùng địa lí nhất định.

Chủng tộc là yếu tố sinh vật học, không phải là yếu tố xã hội.

Để trả lời câu hỏi trong SGK phân biệt các đặc điểm chính của các chủng tộc, GV có thể lập bảng sau :

ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC CHỦNG TỘC

Đặc điểm	Mônggôlôit	Ôrôpêôit	Nêgrô – Ôxtralôit
– Màu da	Vàng, nâu nhạt	Trắng	Đen, nâu đen, đen sẫm
– Dạng tóc	Thẳng, hơi cứng	Làn sóng, mềm	Xoăn, uốn làn sóng
– Lông trên mình	Vừa, ít	Nhiều, đặc biệt là râu	Ít
– Khuôn mặt	To, bè	Hẹp, dài	Hẹp, ngắn
– Dạng mắt	Nhỏ, có mí góc	To, không có mí góc	Tròn, to, không có mí góc
– Dạng mũi	Trung bình, sống mũi không cao	Sống mũi cao, lỗ mũi hẹp	Lỗ mũi rộng, cánh mũi to
– Môi	Vừa	Mỏng	Dày
– Hình dạng đầu	Tròn, vừa	Tròn	Dài, rất dài
– Tâm vóc	Trung bình	Vừa– cao	Lùn– cao

– GV cần biết các nguyên nhân hình thành chủng tộc :

+ Sự thích nghi hoàn cảnh địa lí tự nhiên : Trong quá trình hình thành đặc điểm chủng tộc, hoàn cảnh tự nhiên đóng một vai trò quan trọng. Nhiều đặc điểm chủng tộc là kết quả sự chọn lọc tự nhiên và sự thích nghi với môi trường ; vì thời xa xưa do sức sản xuất thấp, chưa đủ sức chống lại những điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên.

Ví dụ về màu da :

- Màu da người đậm nhạt là do lượng sắc tố mêtanin trong da quyết định. Người da đen sống ở vùng châu Phi xích đạo và Tây Thái Bình Dương có ánh sáng chói chang quanh năm nên có nhiều mêtanin trong da và da có màu đen.
- Người Mônggôlôit có khe mắt nhỏ, mắt một mí (hay có mí góc) che hạch nước mắt do sống trong vùng có nhiều gió cát ở Trung Á.

Hoàn cảnh tự nhiên chỉ có tác dụng đối với quá trình hình thành chủng tộc ở các giai đoạn sớm của chế độ công xã nguyên thủy. Khi lực lượng sản xuất phát triển, kinh tế, văn hoá, khoa học – kĩ thuật ở trình độ cao thì sự thích ứng tự nhiên không còn là nguyên nhân xuất hiện chủng tộc nữa.

- + Sự sống biệt lập giữa các nhóm người : Do dân số ít, mỗi quần thể ban đầu chỉ vài trăm người, ở các môi trường khác nhau đã tạo nên sự khác biệt về một số đặc điểm cấu tạo bên ngoài cơ thể.
- + Sự lai giống giữa các nhóm người : Sự lai giống cũng là nguyên nhân quan trọng để hình thành các chủng tộc đồng thời cũng là yếu tố để hợp nhất các chủng tộc.

*b) Về phân bố các chủng tộc*

– *Chủng tộc Mônggôlôit* : có nguồn gốc ở châu Á, rồi sau đó di cư và tạo thành một nhóm ở châu Mĩ.

Khu vực phân bố của chủng tộc Mônggôlôit là Bắc Á, Đông Á, Đông Nam Á, Trung Á. Còn ở châu Mĩ, dân cư thuộc chủng tộc này tập trung ở hai khu vực chính : phía Bắc Ca-na-đa và phần trung tâm lục địa Nam Mĩ. Chủng tộc Mônggôlôit phân hoá thành ba nhánh :

- Bắc Mônggôlôit (lục địa) : bao gồm người Xi-bê-ri, Triều Tiên, Nhật Bản, Bắc Trung Quốc.
- Nam Mônggôlôit (Thái Bình Dương) : Nam Trung Quốc, Đông Nam Á.
- Indian : châu Mĩ (hay A-mê-ri-ca).

Hai nhánh Bắc và Nam Mônggôlôit còn tách ra một vài loại hình, chẳng hạn nhánh Nam Mônggôlôit lại chia ra loại hình Nam Á và Anhdônêdiêng, mà Anhdônêdiêng là sự kết hợp giữa chủng tộc Mônggôlôit và Nêgrô – Ôxtralôit.

Các dân tộc Việt Nam nằm trong 2 nhóm Nam Á (người Việt, Khơme, các dân tộc ít người phía Bắc) và Anhdônêdiêng (các dân tộc ở Tây Nguyên, người Bru – Vân Kiều).

Người Mônggôlôit ở châu Mĩ bên cạnh những đặc điểm tiêu biểu của chủng tộc, còn có thêm cái mũi khoằm độc đáo.

– *Chủng tộc Ôrôpêôit* : phân bố trên những lãnh thổ rộng lớn, hầu như có mặt ở tất cả các châu lục. Hiện nay, cư dân thuộc chủng tộc Ôrôpêôit sinh sống ở toàn bộ châu Âu, Tây Á, Nam Á, Bắc Phi, Đông Phi, phần lớn Bắc Mĩ, một phần Nam Mĩ và Đông Nam Ô-xtrây-li-a.

– *Chủng tộc Nêgrô – Ôxtralôit* : nét đặc trưng của chủng tộc này là màu da tối và vì thế Nêgrôit, nghĩa là da đen được dùng làm tên để chỉ chủng tộc này. Chủng tộc Nêgrô – Ôxtralôit bao gồm hai nhánh :

- Nhánh Nêgrôit cư trú chủ yếu ở phía nam sa mạc Xa-ha-ra. Do sự khác nhau ít nhiều về hình thái nên nhánh này lại chia ra một số loại hình :

Loại hình Đặc điểm	NÊGRÔIT		
	Nam Phi	Xu Đãng	Trung Phi
– Tầm vóc	Trung bình	Cao	Thấp (cao 1,4m), còn gọi là Plcmê
– Màu da	Nâu nhạt	Đen bóng	Đen
– Chân tay	Ngắn	Dài	Rất ngắn
– Phân bố	Hoang mạc Ca-la-ha-ri, Na-míp	Phía nam Xa-ha-ra	Rừng rậm xích đạo

- Nhánh Ôxtralôit nghĩa là người loại hình Ô-xtrây-li-a, nhưng về nguồn gốc, có lẽ ra đời ở Nam Ấn Độ và Xri Lan-ca. Từ đó họ di cư sang Ma-lăc-ca và In-đô-nê-xi-a, rồi đi xuống Ô-xtrây-li-a. Nhánh Ô-xtra-lô-it có những nét khác biệt với Nêgrôit như tóc uốn sóng hoặc xoắn vừa phải, lông trên người khá phát triển, mũi rất rộng...

### c) Chủ nghĩa chủng tộc

– Toàn thể nhân loại hợp thành một loài duy nhất – Người hiện đại, kết quả tiến hoá từ người cổ Nêandectan. Giữa các chủng tộc không có sự khác nhau lớn về thể chất và tâm lí. Và vì thế, không có cơ sở khoa học để chia các chủng tộc về phương diện sinh học ra chủng tộc thượng đẳng và hạ đẳng.

– Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã cho thấy rằng kể từ khi xã hội có phân chia giai cấp thì đồng thời đã có mầm mống của chủ nghĩa chủng tộc và nó đặc biệt phát triển trong xã hội tư bản, thế kỉ XVIII – XIX. Nội dung của chủ nghĩa chủng tộc là phân chia loài người thành dân tộc thượng đẳng và hạ đẳng. Dân tộc thượng đẳng có khả năng phát triển mọi mặt, nhất là về trí tuệ, tinh thần. Còn dân tộc hạ đẳng bị xem là hèn kém, dốt nát phải nhờ sự khai hoá

của dân tộc thượng đẳng và vĩnh viễn phụ thuộc vào họ. Chủ nghĩa chủng tộc đặc biệt phổ biến ở Anh, Pháp, Đức, Hoa Kỳ.

+ Ở Đức, thuyết chủng tộc phát triển rất sâu rộng và đã trở thành cơ sở lí luận cho bọn Đức Quốc xã gây ra Chiến tranh thế giới thứ hai. Chủ nghĩa phát xít Đức đã chia loài người thành hai chủng tộc. Chủng tộc thượng đẳng, mà trước hết là dân tộc Đức, con cháu của người Ariăng văn minh, sinh ra để thống trị các dân tộc hạ đẳng.

+ Ở Hoa Kỳ, chủ nghĩa chủng tộc đã phục vụ cho tư bản đàn áp nhân dân lao động, trước hết là thổ dân Anđiêng và người da đen.

– Quan điểm đúng đắn là các chủng tộc sinh ra trên thế giới đều hoàn toàn bình đẳng. Tất cả các chủng tộc đều có khả năng như nhau trong việc chinh phục tự nhiên, cải tạo xã hội...

## **1.2. Ngôn ngữ**

### *a) Về khái niệm ngôn ngữ*

GV chú ý nhấn mạnh cho HS, ngôn ngữ là sản phẩm cao cấp của ý thức con người, một hệ thống gồm những phương tiện vật chất như âm thanh, từ vựng, quy luật phối hợp các từ thành câu. Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội, ra đời do nhu cầu truyền đạt tư tưởng của con người trong quá trình lao động sản xuất.

Ngôn ngữ có tác dụng quan trọng bậc nhất trong sự tiến hoá của loài người. Ngôn ngữ với chức năng giao tiếp trở thành một trong những động lực quan trọng duy trì sự tồn tại và phát triển của xã hội. Ngôn ngữ cùng với lời nói làm cho loài người có thể sáng tạo ra những khái niệm và những phạm trù khoa học, nêu lên những quy luật của khoa học và cho phép đi sâu vào bản chất của sự vật, hiện tượng. Tư tưởng loài người không thể tồn tại và phát triển nếu không có ngôn ngữ. Do hoạt động lao động sản xuất và sinh hoạt của con người không ngừng phát triển, nên ngôn ngữ cũng phát triển liên tục.

### *b) Trên thế giới có nhiều ngôn ngữ*

Số lượng người nói các ngôn ngữ cũng rất khác nhau. Có thể xem xét sự phổ biến của một ngôn ngữ nào đó dưới hai khía cạnh.

– Sự phân bố của nó theo không gian lãnh thổ.

– Số người sử dụng ngôn ngữ ấy với tư cách là tiếng mẹ đẻ. SGK trình bày các ngôn ngữ phổ biến nhất theo khía cạnh thứ hai.

GV có thể giải thích thêm cho HS về một số ngôn ngữ, chẳng hạn tiếng Hindi là ngôn ngữ của người Ấn Độ và Pa-kit-xtan, tiếng Ben-ga-li là ngôn ngữ của người Ấn Độ và Băng-la-đét, tiếng Uóc-đu là ngôn ngữ của người Ấn Độ và Pa-kit-xtan.

### 1.3. Tôn giáo

Để dạy tốt phần này, GV có thể tham khảo các tài liệu : "*Tôn giáo thế giới và Việt Nam*", Mai Thanh Hải, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2000 và "*Bách khoa toàn thư về thế giới*".

– Tôn giáo là hệ thống giáo lí về lực lượng siêu tự nhiên và xã hội chi phối con người, là sự tín ngưỡng và sùng bái các lực lượng siêu tự nhiên chi phối thế giới. Tôn giáo là một tổ chức có giáo lí, cơ cấu và nghi thức.

– Là một hình thái ý thức xã hội, tôn giáo phản ánh những điều kiện xã hội nhất định của đời sống con người và tạo ra niềm tin vào các lực lượng siêu tự nhiên. Niềm tin tôn giáo đối với sự tồn tại thực tế của các lực lượng siêu tự nhiên thường không cần chứng minh, không được phép tranh cãi hay nghi ngờ.

– Để giải thích câu hỏi giữa bài trong SGK về các khu vực phân bố tôn giáo, GV có thể tham khảo bảng sau :

Tôn giáo	Đặc điểm	Phân bố
<p><b>1. Cơ đốc giáo (còn gọi là đạo Kitô)</b></p> <p>– Ra đời đầu Công nguyên (năm 1 – năm ra đời của chúa Giêsu).</p> <p>– Qua nhiều thế kỉ, tách ra nhiều giáo phái khác nhau : Công giáo (còn gọi là Thiên chúa giáo), Chính thống và Tin lành.</p>	<p>– Có 1,6 tỉ tín đồ, trong đó đông nhất là Công giáo (970 triệu tín đồ).</p> <p>– Đức Chúa Trời là đáng tối cao, mọi sự tôn tại, biến đổi, vận hành trong Vũ trụ do Chúa sắp xếp, an bài.</p> <p>– Giáo lí mang tính nhân văn, tôn trọng giá trị đạo đức, lòng yêu thương đồng loại, cổ vũ con người giúp nhau khi hoạn nạn.</p> <p>– Mỗi chủ nhật, mọi người đều đến nhà thờ.</p>	<p>– Phân bố rộng khắp thế giới : toàn bộ châu Âu, gần như cả châu Mỹ, một số nước ở Đông Nam Á và Đông Á, Nam Phi, châu Đại Dương...</p> <p>– Giê-ru-sa-lem là thánh địa của Cơ đốc giáo.</p> <p>– Việt Nam có 10 triệu tín đồ Công giáo, 2 triệu tín đồ Tin lành.</p>
<p><b>2. Islam (Hồi giáo)</b></p> <p>– Ra đời năm 570 SCN tại La Mec-ca (Ả Rập Xê-út).</p> <p>– Có hai giáo phái chính là Xunnít và Siai.</p>	<p>– Có 1,1 tỉ tín đồ, trong đó Xunnít – 976 triệu, Siai – 161 triệu.</p> <p>– 5 nguyên tắc trụ cột:</p> <p>+ Tín tuyệt đối vào thánh Ala.</p> <p>+ Mỗi ngày cầu nguyện 5 lần, trong đó quan trọng nhất là buổi trưa thứ sáu hàng tuần ở giáo đường.</p> <p>+ Phải đóng thuế, lạc quyền, bố thí.</p>	<p>– Tập trung ở Tây Nam Á, Bắc Phi, một phần Đông Phi, Nam Á, một vài nước Đông Nam Á.</p> <p>– Việt Nam hiện có 60.000 tín đồ, chủ yếu thuộc dân tộc Chăm.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phải ăn chay, nhất là trong tháng Ramadan (tháng 3 dương lịch).</li> <li>+ Ít nhất trong đời, một lần hành hương đến La Mecca.</li> <li>- Người đàn ông được lấy 4 vợ, có quyền lực tuyệt đối trong gia đình. Mức sinh cao.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngoài La Mecca, thánh địa Hồi giáo còn là Mê-di-na và Jê-ru-sa-lem.</li> </ul>
<p><b>3. Phật giáo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra đời năm 563 TCN, tại làng Lum-bi-ni, Nê-pan.</li> <li>- Có 2 giáo phái chính là Đại thừa và Tiểu thừa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 344 triệu tín đồ.</li> <li>- 4 chân lí cơ bản :</li> <li>+ Đời là bể khổ</li> <li>+ Khổ do tham, sân (giận dữ), si</li> <li>+ Cần phải diệt cái khổ để sống</li> <li>+ Để lên cõi Niết Bàn phải tuân thủ bát giới (tám nguyên tắc sống)</li> <li>- Giáo lí đạo Phật nêu ra ngũ giới - năm điều không làm (sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu) và thập thiện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung Quốc, bán đảo Đông Dương và các nước Thái Lan, Mi-an-ma, Nhật Bản, Mông Cổ, bán đảo Triều Tiên.</li> <li>- Việt Nam có 22 triệu tín đồ, trong đó Đại thừa 20 triệu.</li> </ul>
<p><b>4. Đạo Hindu (còn gọi là Ấn Giáo hay Bà la môn)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra đời năm 3500 TCN ở Ấn Độ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 754 triệu tín đồ.</li> <li>- Tính chất đa thần :</li> <li>+ Brahma - thần sáng tạo</li> <li>+ Vishnu - thần bảo vệ</li> <li>+ Shiva - thần huỷ diệt và tái tạo cuộc sống, và một số giống vật thiêng liêng- Bò.</li> <li>- Cuộc sống có kiếp luân hồi, con người chết đi và tái sinh trong một kiếp mới. Người nào sống tốt thì tái sinh trong kiếp sống sung sướng, người nào ở ác thì sẽ tái sinh trong kiếp của cỏ cây, loài vật.</li> <li>- Phân chia đẳng cấp rất nặng nề. Con người sinh ra ở một đẳng cấp nhất định, phải tránh giao tiếp với đẳng cấp thấp hơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ yếu ở Nam Á, đặc biệt là Ấn Độ (80% dân cư), một số ít ở Nê-pan, Xri Lan-ca, In-đô-nê-xi-a, Băng-la-đet.</li> </ul>
<p><b>5. Đạo Judaism (Do Thái)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra đời thế kỉ thứ 2 TCN ở mảnh đất Pa-lét-xtin ngày nay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên 18 triệu người.</li> <li>- Thiên chúa là đấng tối cao và duy nhất, đã chọn dân Do Thái để cứu vớt Thiên chúa, là người bạn đường tin cậy và gần gũi.</li> <li>- Các tín đồ Do Thái cầu nguyện mỗi sáng và chiều, nghỉ ngày Shabbát từ chiều thứ sáu đến chiều thứ bảy mỗi tuần để dành riêng cho Chúa.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- I-xra-en, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Anh, Nga.</li> <li>- Jê-ru-sa-lem là thánh địa của đạo Do Thái.</li> </ul>

## 2. Phương pháp dạy học

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.
- Nêu vấn đề, đàm thoại gợi mở.
- Thảo luận theo nhóm.

## IV – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

### 1. Mở bài

Chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo là những khía cạnh xã hội của dân số. Việc hiểu được những đặc điểm chính, sự phân bố của các chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo có một ý nghĩa rất lớn trong đời sống kinh tế, văn hoá, chính trị của toàn thế giới nói chung và của từng quốc gia nói riêng.

### 2. Tiến trình dạy học

#### *a) Gợi ý dạy mục I : Các chủng tộc trên thế giới*

– GV kẻ sẵn trên bảng một khung theo gợi ý ở bài tập 1 cuối bài, cho HS quan sát hình vẽ 3 chủng tộc cơ bản, có thể chia 3 nhóm, cử 3 HS đại diện cho 3 nhóm lên bảng điền vào các ô trống.

– GV nên dành ít phút để nói thêm về 3 nguyên nhân hình thành chủng tộc, với các ví dụ cụ thể như đã trình bày trong SGK.

– Về sự phân bố các chủng tộc, GV cần kết hợp với lược đồ trong SGK, giải thích kĩ về lí do phân bố.

– GV nên nhấn mạnh tính chất bình đẳng giữa các chủng tộc và phê phán chủ nghĩa chủng tộc.

#### *b) Gợi ý dạy mục II : Ngôn ngữ*

– Ngoài kiến thức cơ bản trong SGK, GV nhấn mạnh hơn vai trò của ngôn ngữ trong giao tiếp, trong việc giao lưu và phát triển kinh tế – xã hội, liên hệ ý nghĩa thực tế của việc nắm vững các ngoại ngữ phổ biến trên thế giới (Anh, Pháp, Hoa, Nga, Nhật...).

#### *c) Gợi ý dạy mục III : Tôn giáo*

GV chú ý khi trình bày sự phân bố các tôn giáo, nên kết hợp với việc khai thác vai trò của tôn giáo trong đời sống kinh tế – xã hội.

Ví dụ : Đạo Hồi không ăn thịt lợn, lại có tháng ăn chay Ramadan, nên các quốc gia Hồi giáo không coi trọng chăn nuôi lợn, các nhu cầu vật chất và các hoạt động kinh tế trong tháng Ramadan bị hạn chế...